

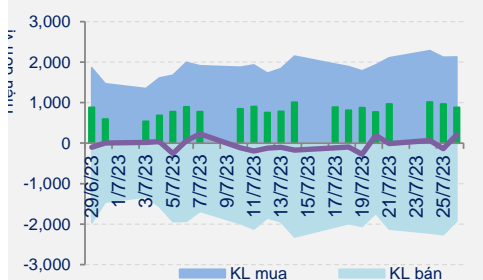
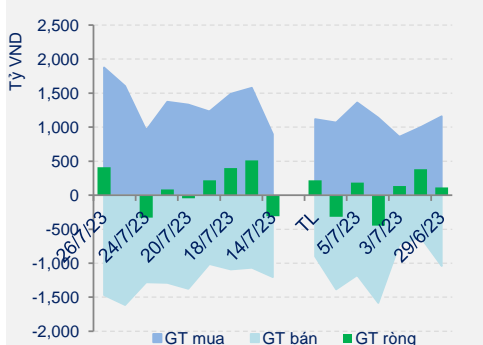
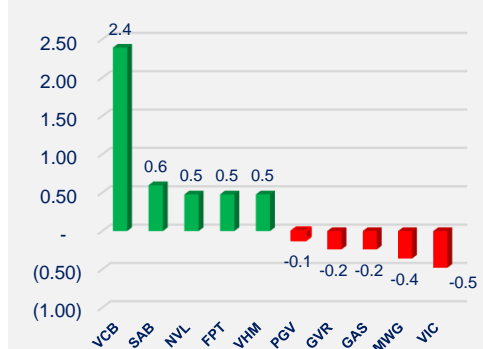
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 26/7/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,200.84	236.20
% Thay đổi	↑ 0.41%	↓ -0.31%
KLGD (CP)	880,759,663	75,935,942
GTGD (tỷ đồng)	17,915.44	1,282.45
Tổng cung (CP)	1,920,694,305	151,306,900
Tổng cầu (CP)	2,127,957,932	124,296,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	58,252,657	3,148,946
KL mua (CP)	73,900,157	3,051,910
GT mua (tỷ đồng)	1,877.72	54.56
GT bán (tỷ đồng)	1,466.78	66.97
GT ròng (tỷ đồng)	410.94	(12.40)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


VN-INDEX tăng phiên thứ tư liên tiếp hướng đến vùng giá tâm lý 1.200 điểm - 1.211 điểm, tương ứng với vùng đỉnh giá cao nhất năm 2018. Kết phiên VN-INDEX tăng 4,94 điểm (+0,41%) lên 1.200,84 điểm, khối lượng giao dịch tiếp tục giảm so với phiên trước thể hiện mức độ thận trọng hơn. HNX-INDEX sau 09 phiên liên tiếp tăng điểm, chịu áp lực điều chỉnh khi giảm 0,73 điểm (-0,31%) về mức 236,20 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực với áp lực bán vẫn gia tăng với tổng cộng 346 mã giảm giá (05 mã giảm sàn), 287 mã tăng giá (19 mã tăng trần), và 135 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 19.177 tỷ đồng, giảm 12,7% so với phiên trước, giảm phiên thứ 2 liên tiếp, thể hiện mức độ thận trọng gia tăng, giao dịch sôi động đang tập trung nhiều hơn ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, VN30 trong khi nhiều mã vốn hóa trung bình, nhỏ chịu áp lực bán chốt lãi ngắn hạn. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, tiếp tục mua ròng trên HOSE với giá trị 410,94 tỷ đồng, trong đó mua ròng khá mạnh ở nhóm cổ phiếu thép và bất động sản trong VN30; bán ròng trên HNX với giá trị 12,40 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đang chú trọng đưa ra giải pháp tích cực, nỗ lực khắc phục các tiêu chí mà các đơn vị xếp hạng tín nhiệm đưa ra và cuối tháng 8/2023 sẽ tổ chức tọa đàm tại Hồng Kông làm việc với các tổ chức xếp hạng để đánh giá tiềm năng nâng hạng thị trường lên thị trường mới nổi.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số tăng giá tốt, tuy nhiên thanh khoản chỉ ở mức trung bình như VIX (+2,86%), VND (+2,12%), CTS (+1,63%), SSI (+0,69%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ như TVS (-2,37%), WSS (-1,28%), PSI (-1,14%)...

Với thông tin người vay phục vụ nhu cầu đời sống (bao gồm cả vay mua nhà) cũng có thể được vay của ngân hàng khác để trả nợ cho ngân hàng đang vay theo Thông tư 06 vừa được Ngân hàng Nhà nước ban hành tác động tích cực đến các cổ phiếu bất động sản, nhiều mã duy trì phục hồi tốt với thanh khoản gia tăng mạnh, nổi bật như SJS (+6,84%), NVL (+6,17%), NLG (+2,55%), DXG (+1,81%)...

Trong khi đó các cổ phiếu nhóm ngân hàng phân hóa mạnh, ngoài VCB (+1,85%), BID (+0,42%), SSB (+0,34%) tăng giá thì đa số chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản trên mức trung bình như VBB (-2,61%), TPB (-1,05%), LPB (-0,91%), OCB (-0,79%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 tăng 3 điểm (+0,25%) chênh lệch -4,43 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh 25,90% so với phiên trước, khối lượng mở OI tăng chiếm 50% khối lượng giao dịch. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2309, VN30F2312, VN30F2403 gia tăng chênh lệch lên từ -6,53 điểm đến -18,43 điểm so với VN30, khối lượng mở OI tăng. Cho thấy tâm lý thị trường vẫn lạc quan trong ngắn hạn, gia tăng các vị thế mua ở VN30 và phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn hơn

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường duy trì sự tích cực trong phiên hôm nay và VN-Index có phiên tăng thứ 4 liên tiếp cho thấy động lực tăng của thị trường sau khi xác nhận uptrend là rất mạnh mẽ. VN-Index hôm nay đã đóng cửa trên ngưỡng cản 1.200 điểm tuy nhiên thanh khoản suy giảm so với các phiên trước và độ rộng nghiêng về hướng tiêu cực cho thấy sự thận trọng đang gia tăng. Xu hướng tăng điểm trung hạn đã hình thành và được xác nhận với kỳ vọng trước mắt sẽ hướng tới khu vực 1.300 điểm. Trong ngắn hạn, thị trường sẽ xuất hiện các nhịp điều chỉnh xen kẽ trong xu hướng tăng với kháng cự gần nhất tại 1.205 điểm – 1.210 điểm, mốc hỗ trợ gần nhất quanh 1.185 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau phiên bùng nổ vượt kháng cự cuối tuần trước để xác nhận uptrend, thị trường tiếp tục cho thấy sức mạnh tăng điểm khi tất cả các phiên từ đầu tuần này VnIndex đều tăng điểm. Chốt phiên hôm nay VnIndex tăng 4,94 điểm (+0,41%) và đóng cửa ở 1.200,84 điểm. Với trạng thái vận động chặt chẽ và ổn định của thị trường, xu hướng uptrend sẽ tiếp tục duy trì và trong trung hạn hướng tới mục tiêu 1.300 điểm, trong ngắn hạn các nhịp tăng sẽ được củng cố đan xen bằng các nhịp điều chỉnh và tích lũy lại tạo nền tảng tích lũy nhỏ.

Xu hướng uptrend của thị trường đã hình thành khá tin cậy, vận động của thị trường trong uptrend được hình thành bởi các nhịp tăng và điều chỉnh ngắn hạn liên tiếp, và như chúng tôi nhận định động lực tăng của thị trường sẽ còn kéo dài để VnIndex hướng tới khu vực 1.300 điểm trong đó các nhịp tăng - điều chỉnh sẽ còn diễn ra.

Đà tăng của thị trường tiếp tục duy trì tốt và nền tảng uptrend đã hình thành khá vững, trong ngắn hạn thị trường sẽ có các nhịp tăng và điều chỉnh đan xen trong đó xu hướng tăng tiếp tục duy trì, tuy nhiên các nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng không nên mua đuổi giá cao, có thể xem xét chốt lãi từng phần các cổ phiếu đạt mục tiêu. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

26/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
POW	13.55	13.1-13.6	16.5-17	12	18.6	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
30/3/23	BVS	26.1	18	24-26	25	45.0%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	34.8	25.1	33-34	33	38.6%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	15.3	12.75	18-18.5	14.5	19.6%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	61.5	54.8	65-67	60	12.2%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	32.2	28.05	34-35	30.5	14.8%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	56.9	51	62-64	56	11.6%	Nắm giữ
12/7/23	DCM	29.6	27.75	31-32	28	6.7%	Nắm giữ
24/7/23	VOS	12.8	13.4	15.5-16	12.5	-4.5%	Bán



TIN VĨ MÔ

IMF bất ngờ nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ngày 25/7 nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đưa ra một cái nhìn có phần lạc quan hơn bất chấp tình trạng giảm tốc của nền kinh tế Trung Quốc. Trong cập nhật mới nhất của báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (World Economic Outlook), IMF nâng dự báo tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu thêm 0,2 điểm phần trăm, lên mức 3% từ mức dự báo tăng 2,8% đưa ra hồi tháng 4. Về năm 2024, IMF giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 3%.

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và Israel chính thức được ký kết

Thông tin từ Vụ Thị trường châu Á - châu Phi, Vụ Chính sách thương mại đa biên (Bộ Công Thương), ngày 25/7/2023, tại Văn phòng Thủ tướng Israel, trước sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Nhà nước Israel Benjamin Netanyahu và Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Lưu Quang, Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Nguyễn Hồng Diên đã cùng Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Công nghiệp Israel Nir Barkat ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Israel (VIFTA).

Xuất khẩu gạo thu về gần 2,4 tỷ USD

Số liệu do Tổng cục Hải quan công bố cho thấy, nửa đầu tháng 7 (1 - 15/7) cả nước xuất khẩu 249.273 tấn gạo, kim ngạch đạt 135,45 triệu USD. Tính chung từ đầu năm đến 15/7, cả nước xuất khẩu hơn 4,48 triệu tấn gạo, kim ngạch đạt gần 2,4 tỷ USD, tăng hơn 17% về lượng và tăng 28% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ưu tiên đầu tư 29 dự án cảng biển hơn 31 nghìn tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà vừa ký Quyết định số 886/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó nêu rõ những dự án phát triển hạ tầng cảng biển kêu gọi đầu tư tư nhân...

TIN DOANH NGHIỆP

Đạm Cà Mau rơi 72% lãi ròng quý 2, giữ hơn 10 ngàn tỷ đồng tiền mặt

Theo BCTC hợp nhất quý 2/2023, Đạm Cà Mau đạt doanh thu thuần gần 3.3 ngàn tỷ đồng, giảm 19% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán lại tăng 7%. Sau khi khấu trừ, lãi gộp còn 370 tỷ đồng, thua cùng kỳ 72%. Đây là quý thứ 2 liên tiếp, Đạm Cà Mau chứng kiến lợi nhuận giảm mạnh sau giai đoạn lãi bùng nổ từ quý 4/2021. Lũy kế 6 tháng, Doanh nghiệp đạt hơn 6 ngàn tỷ đồng doanh thu, giảm 26% so với cùng kỳ, thực hiện được 45% kế hoạch năm. Lãi sau thuế đạt 520 tỷ đồng, giảm 80%, đạt 38% kế hoạch năm.

GELEX (GEX) báo lãi hơn 1.000 tỷ đồng, hoàn thành gần 80% kế hoạch năm 2023

CTCP Tập đoàn GELEX (mã chứng khoán: GEX) vừa công bố báo cáo kết quả kinh doanh quý II và 6 tháng đầu năm 2023. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn ghi nhận những kết quả theo chiều hướng tích cực. Cụ thể, trong quý II/2023, doanh thu thuần hợp nhất của GELEX đạt 7.996 tỷ đồng, tăng 24,7% so với quý 1 và tương đương 88% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận trước thuế quý 2 đạt 870 tỷ đồng, tăng hơn 5 lần so với quý I và tăng 49% so với cùng kỳ 2022.

Đường được giá, QNS lãi ròng kỷ lục, vượt kế hoạch lợi nhuận năm sau 6 tháng

Nhờ nỗ lực kiểm soát chi phí cùng với sản phẩm đường được giá, CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCoM: QNS) báo lãi ròng quý 2/2023 gần 712 tỷ đồng, tăng tới 95% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, Doanh nghiệp đạt 5,282 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 32%. Trong đó, 2 dòng sản phẩm chính chiếm phần lớn là sản phẩm đường đạt gần 2,220 tỷ đồng, chiếm 42%; sản phẩm từ sữa đậu nành hơn 1,978 tỷ đồng, chiếm 37%. Còn lãi ròng hơn 1,028 tỷ đồng, tăng tới 90% so với cùng kỳ.

6 tháng đầu năm 2023, doanh thu Thế giới Di động (MWG) giảm 20% về 56.570 tỷ đồng

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (HoSE: MWG) tiếp tục không công bố ước tính lợi nhuận trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2023. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm 2023, Thế giới Di động ghi nhận tổng doanh thu 56.570 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ và mới hoàn thành được 42% so với kế hoạch doanh thu 135.000 tỷ đồng trong năm 2023.

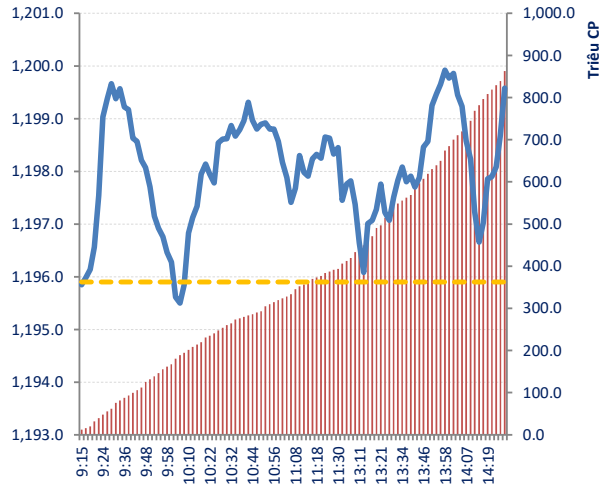
Dabaco (DBC): Lợi nhuận quý II/2023 đạt 327 tỷ đồng, kỳ vọng dự án vaccine từ đầu quý IV/2023

DBC cũng vừa công bố báo cáo tài chính quý II/2023. Theo đó, doanh thu thuần của tập đoàn đạt 3.473 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 đạt 5.787 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế quý II/2023 đạt 327 tỷ đồng, gấp 23 lần so với con số cùng kỳ năm 2022 là 14 tỷ đồng. Ông Nguyễn Như So, Chủ tịch CTCP Tập đoàn Dabaco (HoSE: DBC) cho biết, Công ty dự kiến sản xuất vaccine thương mại sớm nhất quý IV/2023, đặt mục tiêu làm 3 loại vaccine đầu tiên.

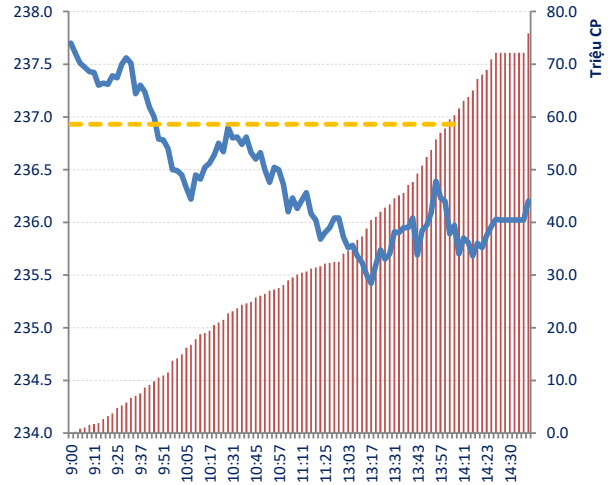


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

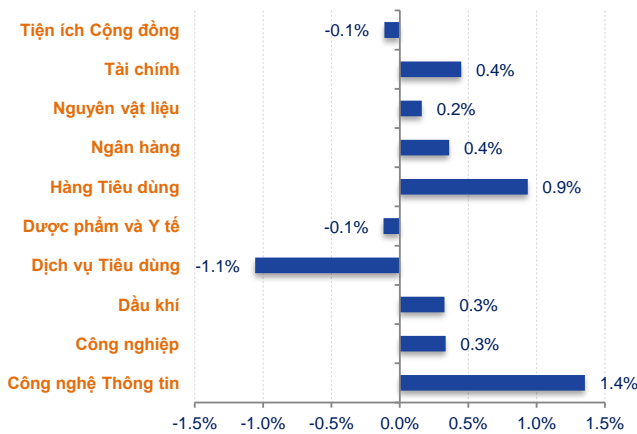
KLGD và VN-Index trong phiên



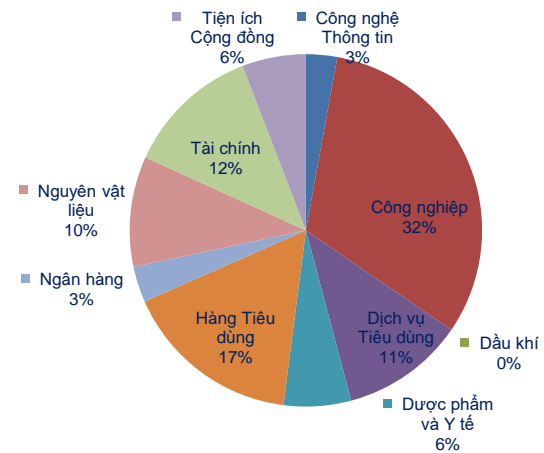
KLGD và HNX-Index trong phiên



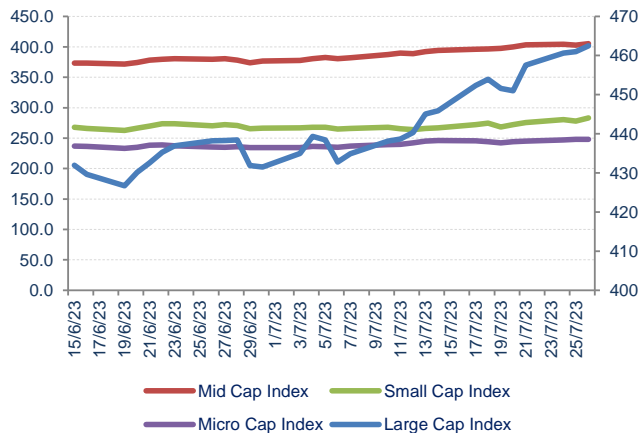
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



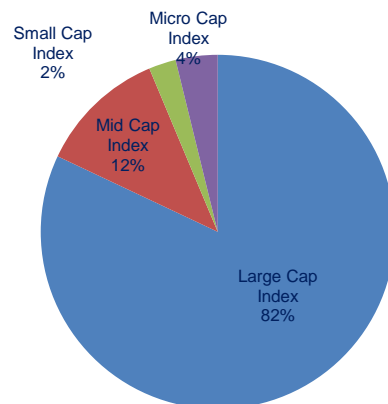
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	5,632,400	MSB	3,593,300
2	NVL	2,524,500	KDC	2,487,500
3	KDH	2,319,500	VIC	1,686,100
4	HSG	2,202,700	STB	1,412,300
5	VHM	2,193,800	POW	1,391,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	2,349,000	CEO	2,345,290
2	TNG	44,170	PVS	182,037
3	DDG	37,500	NVB	52,932
4	OCH	32,700	IDJ	47,100
5	SD5	30,000	VCS	10,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	16.20	17.20	↑ 6.17%	73,230,100
VND	18.90	19.30	↑ 2.12%	35,822,000
MSB	13.50	13.40	↓ -0.74%	29,574,900
GEX	22.00	22.70	↑ 3.18%	29,555,800
POW	13.25	13.55	↑ 2.26%	27,296,879

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	15.10	15.20	↑ 0.66%	12,527,953
CEO	18.70	18.40	↓ -1.60%	7,577,408
TAR	20.90	20.80	↓ -0.48%	3,894,458
PVS	35.00	34.80	↓ -0.57%	3,836,847
HUT	20.50	20.30	↓ -0.98%	2,984,302

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMP	55.90	59.80	3.90	↑ 6.98%
MDG	12.30	13.15	0.85	↑ 6.91%
AGM	6.96	7.44	0.48	↑ 6.90%
DTA	7.57	8.09	0.52	↑ 6.87%
SJS	46.80	50.00	3.20	↑ 6.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC9	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
SDU	35.00	38.50	3.50	↑ 10.00%
BTW	38.00	41.80	3.80	↑ 10.00%
VE4	149.60	164.50	14.90	↑ 9.96%
STC	19.20	21.10	1.90	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTB	12.25	11.55	-0.70	↓ -5.71%
PDN	141.50	133.60	-7.90	↓ -5.58%
VOS	13.50	12.80	-0.70	↓ -5.19%
L10	20.10	19.20	-0.90	↓ -4.48%
FUCTVGF3	16.70	16.00	-0.70	↓ -4.19%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CKV	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
KHS	22.50	20.30	-2.20	↓ -9.78%
TKG	14.40	13.00	-1.40	↓ -9.72%
VCM	26.80	24.20	-2.60	↓ -9.70%
DAE	26.90	24.30	-2.60	↓ -9.67%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	73,230,100	1.8%	414	39.1	0.7
VND	35,822,000	4.1%	487	38.8	1.6
MSB	29,574,900	17.8%	2,355	5.7	1.0
GEX	29,555,800	0.1%	23	970.4	0.9
POW	27,296,879	5.2%	729	18.2	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,527,953	4.3%	507	29.8	1.2
CEO	7,577,408	7.5%	1,040	18.0	1.3
TAR	3,894,458	3.8%	585	35.7	1.4
PVS	3,836,847	5.6%	1,498	23.4	1.3
HUT	2,984,302	1.3%	146	140.5	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TMP	↑ 7.0%	34.3%	7,972	7.0	2.2
MDG	↑ 6.9%	10.7%	1,741	7.1	0.8
AGM	↑ 6.9%	-35.9%	(8,996)	-	0.3
DTA	↑ 6.9%	1.9%	211	35.8	0.7
SJS	↑ 6.8%	4.7%	1,046	44.7	2.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC9	↑ 10.0%	109.3%	852	7.0	5.9
SDU	↑ 10.0%	0.5%	92	381.4	2.0
BTW	↑ 10.0%	21.7%	5,783	6.6	1.4
VE4	↑ 10.0%	-25.5%	(3,269)	-	12.7
STC	↑ 9.9%	12.0%	2,808	6.8	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	5,632,400	0.7%	114	247.4	1.7
NVL	2,524,500	1.8%	414	39.1	0.7
KDH	2,319,500	8.6%	1,405	24.3	2.1
HSG	2,202,700	-9.7%	(1,710)	-	1.1
VHM	2,193,800	24.9%	8,269	7.1	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,349,000	4.3%	507	29.8	1.2
TNG	44,170	17.8%	2,666	7.8	1.3
DDG	37,500	4.2%	546	14.6	0.6
OCH	32,700	8.4%	553	15.4	1.3
SD5	30,000	3.8%	697	11.1	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	433,972	23.2%	6,533	14.0	3.0
VHM	255,166	24.9%	8,269	7.1	1.6
BID	238,509	19.7%	3,972	11.9	2.2
VIC	196,418	5.1%	1,800	28.6	1.5
GAS	189,098	24.1%	7,689	12.8	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,729	5.6%	1,498	23.4	1.3
IDC	14,850	34.3%	6,675	6.7	2.4
THD	14,070	4.0%	672	59.8	2.3
PVI	12,649	0.5%	187	288.5	1.5
SHS	12,279	4.3%	507	29.8	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	6.28	0.3%	49	185.4	0.6
PTL	4.37	-20.9%	(1,118)	-	0.9
EVG	4.23	0.9%	113	59.9	0.6
TTB	4.22	-0.2%	(17)	-	0.2
LGL	3.57	1.4%	182	26.2	0.4

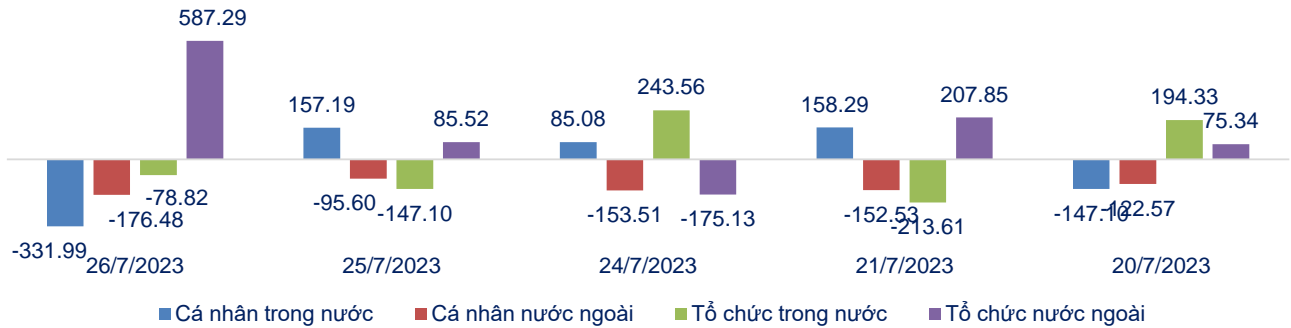
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FID	4.44	0.0%	1	4,602.1	0.3
VC9	4.03	109.3%	852	7.0	5.9
VC7	3.92	2.4%	265	80.2	2.0
API	3.92	8.2%	921	6.6	0.5
SDA	3.73	-0.3%	(23)	-	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	149.10	5.3%	1,487	43.2	2.1
VIC	104.40	5.1%	1,800	28.6	1.5
DIG	58.67	2.2%	276	92.9	2.0
STB	52.85	14.9%	3,006	9.5	1.3
DGW	49.57	23.9%	3,355	15.9	3.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-171.34	0.7%	114	247.4	1.7
VHM	-150.73	24.9%	8,269	7.1	1.6
KDH	-77.26	8.6%	1,405	24.3	2.1
VPB	-68.35	11.8%	1,796	12.2	1.4
PNJ	-58.50	21.5%	5,368	15.0	2.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	2.27	6.9%	1,035	27.8	1.9
CTG	2.14	15.9%	3,548	8.4	1.3
HDB	2.07	20.8%	2,757	6.2	1.1
AGG	1.58	-0.7%	(157)	-	1.4
VNM	1.37	23.5%	3,881	19.2	4.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-181.62	17.8%	2,355	5.7	1.0
MSN	-4.52	5.9%	1,537	54.3	3.2
PDR	-2.04	8.2%	1,118	19.1	1.7
NVL	-1.56	1.8%	414	39.1	0.7
FPT	-0.84	22.1%	4,596	17.7	3.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	70.27	11.8%	1,796	12.2	1.4
PNJ	29.36	21.5%	5,368	15.0	2.9
DGC	27.49	36.7%	10,788	6.7	2.4
VHM	22.00	24.9%	8,269	7.1	1.6
MBB	21.58	23.1%	3,445	5.5	1.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-59.47	2.2%	276	92.9	2.0
FUEVFNVD	-41.86	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	-36.88	11.4%	1,829	29.3	3.3
NVL	-33.04	1.8%	414	39.1	0.7
BCG	-28.08	0.6%	161	61.5	0.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

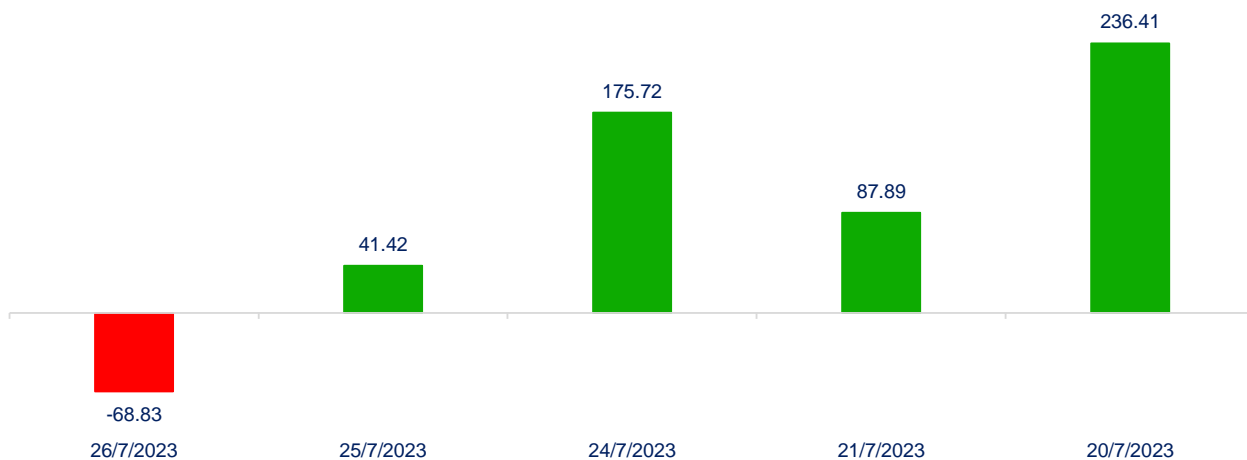
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	158.67	0.7%	114	247.4	1.7
MSB	131.74	17.8%	2,355	5.7	1.0
VHM	127.94	24.9%	8,269	7.1	1.6
KDH	80.13	8.6%	1,405	24.3	2.1
MWG	62.60	11.4%	1,829	29.3	3.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

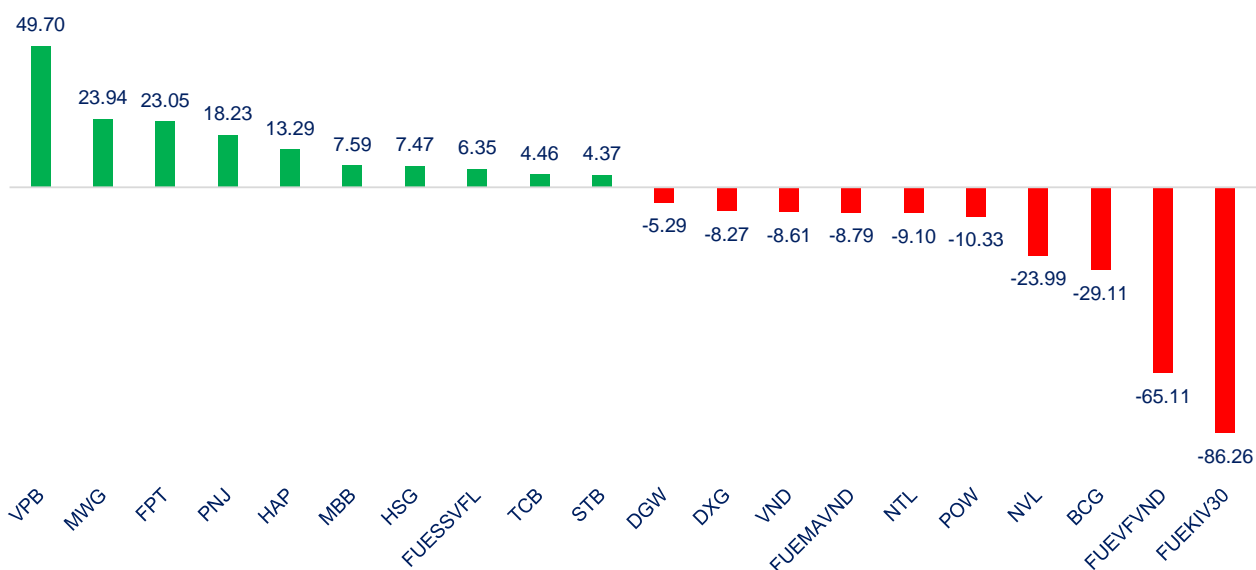
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	-149.25	5.3%	1,487	43.2	2.1
VIC	-86.61	5.1%	1,800	28.6	1.5
DGW	-43.94	23.9%	3,355	15.9	3.5
STB	-39.95	14.9%	3,006	9.5	1.3
NLG	-39.10	4.4%	1,492	24.9	1.1

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn